

Bản án số: 318/2025 /HC-PT

Ngày 19 - 6 - 2025

V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên : Bà Phan Thị Vân Hương.

tòa

Các Thẩm phán : Ông Đặng Kim Nhân;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tú Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Phạm Tấn Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 150/2025/TLPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2025/HC-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1629/2025/QĐPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Võ Thị Thanh B**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: **Tổ B, khối E, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Trần Minh T**; Địa chỉ: **thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đại T1**, Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 132/GUQ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024). Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp (đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt):

- Ông **Phạm Văn N** - Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk;

- Ông **Phan Hải S** - Phó Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2024 và trình bày của người khởi kiện bà **Võ Thị Thanh B** và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại Tòa án có nội dung:*

Bà **Võ Thị Thanh B** (chồng là ông **Lưu Văn S1** đã chết năm 2017) là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 43, diện tích 475,5m², mục đích sử dụng: 324m² đất ở tại đô thị và 151,5m² đất trồng cây lâu năm; địa chỉ thửa đất tại **phường T, thành phố B** và đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) **thành phố B** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AP 915416 ngày 09/12/2009.

Theo nội dung Quyết định số 7535/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, Quyết định 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND **thành phố B** cùng các tài liệu kèm theo 02 Quyết định này thì bà **Võ Thị Thanh B** là người bị thu hồi đất (hộ của **Lưu Văn S1**, bà **Võ Thị Thanh B**) để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất **phường T, thành phố B** và các cấp thẩm quyền đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất khi thực hiện dự án này. Tổng diện tích đất thực tế là 483,4m² với số tiền hỗ trợ bồi thường là: Bồi thường về đất là 1.423.229.400 đồng, nhà trên đất là 716.225.188 đồng, vật kiến trúc là 163.360.400 đồng, cây trồng 44.112.660 đồng và các khoản hỗ trợ 28.900.000 đồng, tổng cộng là: 2.375.827.648 đồng.

Bà **Võ Thị Thanh B** đồng ý thực hiện theo các nội dung đối với các Quyết định trên về việc thu hồi để thực hiện dự án. Tuy nhiên, bà **B** không đồng ý đối với các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến giá cả và việc hỗ trợ trong quá trình thu hồi đất đối với hộ gia đình, cụ thể:

- Thứ nhất: theo các lần mời làm việc liên quan đến phương án, kế hoạch hỗ trợ, bồi thường và lựa chọn vị trí lô đất tái định cư thì bà **B** đã có đơn đề nghị giải thích về việc tại sao lại áp 02 mức giá bồi thường đối với thửa đất ở của thửa đất bị thu hồi của gia đình. Vì thực tế, thửa đất có vị trí 02 mặt tiền (giáp với đường), vì vậy mốc lộ giới cần được xác định bằng hai vị trí đối với 02 con đường để tính giá trị với phần diện tích đất ở được bồi thường chứ không phải xác định từ một lộ giới như bảng chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND **thành phố B** đã tính.

- Thứ hai: Các cơ quan có thẩm quyền xác định không đúng số lượng thành viên hộ gia đình vì từ trước đến nay, gia đình bà sinh sống và làm việc trên thửa đất này gồm có 06 nhân khẩu gồm: bà: **Võ Thị Thanh B**, con gái bà **B** là chị **Lưu**

Võ Thùy T2 (sinh năm 1997), con trai là: Lưu Võ Minh Q (sinh năm 2005), con rể bà B là anh Nguyễn Xuân T3 (sinh năm 1997) và 02 cháu ruột là con của chị T2, anh T3 là cháu Nguyễn Lưu Đan T4 (sinh ngày 16/3/2020); Cháu Nguyễn Lưu Đan T5 (sinh ngày 16/01/2024). Việc cơ quan có thẩm quyền xác định chỉ có một mình bà Bình sinh S2 trên thửa đất là không đúng thực tế, dẫn đến việc bồi thường, hỗ trợ không đúng theo quy định của pháp luật.

- Thứ ba: về các khoản tiền hỗ trợ và hỗ trợ khác trong việc thu hồi đất chưa đúng theo bà B bị thu hồi gồm 324m² đất ở đô thị và 151,5m² đất trồng cây lâu năm

Ngoài hỗ trợ về chi phí di chuyển chỗ ở, gia đình bà B còn thuộc trường hợp được hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới quy định tại Điều 9 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Cụ thể: Hộ bà B hiện nay có 06 khẩu: 1.200.000 x 06 khẩu = 7.200.000 đồng/tháng (quy định tối đa được hỗ trợ 5.000.000đ x (thời gian từ khi Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà được tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận đất tái định cư cộng thêm 6 tháng để xây nhà)) chứ không phải 2.400.000 đồng x 6 tháng = 14.400.000 đồng như quyết định đã ban hành.

Hộ gia đình bà đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất do bị thu hồi hết đất nông nghiệp quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, nhưng không được phê duyệt.

Đồng thời, ngày 29/01/2024, bà B đã có đơn khiếu nại đối với Chủ tịch UBND thành phố B để yêu cầu giải quyết khiếu nại đối với các nội dung trên, đến ngày 01/02/2024 thì UBND thành phố B nhận được đơn khiếu nại của bà B và ban hành công văn số 644 ngày 06/02/2024 về việc xử lý đơn của bà B. Tuy nhiên, đến 23/7/2024, UBND thành phố B ban hành thông báo số 852/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Thanh B với lý do quyết định 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết theo thông báo số 154/TBTL-HC ngày 05/6/2024 (tức 159 ngày kê từ ngày thụ lý đơn khiếu nại) là vi phạm quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà Võ Thị Thanh B.

Bà Võ Thị Thanh B khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành

phố B đối với hộ ông **Lưu Văn S1** (đã chết), bà **Võ Thị Thanh B**.

- Hủy thông báo số 852/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà **Võ Thị Thanh B** đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo số 852/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố:

Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất **phường T, thành phố B** được **Hội đồng nhân dân tỉnh Đ** thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C; Được **UBND tỉnh Đ** phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án tại Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 30/10/2019.

Hộ ông **Lưu Văn S1**, bà **Võ Thị Thanh B** sử dụng Thửa đất số 55, tờ bản đồ 43, **phường T**, diện tích 475,5 m², thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án.

Về căn cứ pháp luật, trình tự thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

- Quy định về bồi thường hỗ trợ: Áp dụng đúng theo quy định tại Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của **UBND tỉnh Đ** về việc ban hành quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đơn giá bồi thường về đất: Giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất cho các hộ gia đình (trong đó có hộ ông **Lưu Văn S1**, bà **Võ Thị Thanh B**) đã được **UBND thành phố B** phê duyệt tại Quyết định số 4285/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 (trên cơ sở Chứng thư định giá đất số 173/BDS/2022/CT-TTA ngày 24/6/2022 của Công ty cổ phần T6 đã được Hội đồng thẩm định giá đất thành phố B thống nhất thông qua tại cuộc họp ngày 04/7/2023). Việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường về đất đã đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

- Đơn giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Số lượng, chất lượng, chủng loại các tài sản gắn liền trên

đất đã được Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk cùng các đơn vị có liên quan, hộ gia đình cá nhân bị thu hồi đất thống kê, kiểm kê đầy đủ. Một số kiến nghị của hộ gia đình về việc thiếu tài sản sau khi công khai dự thảo phương án đã được Trung tâm, UBND phường T kiểm tra, bổ sung đầy đủ. Về đơn giá bồi thường tài sản, các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được áp dụng đúng theo các quy định pháp luật, cụ thể: Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 10/2023 ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Quyết định 18/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về các khoản hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (theo Điều 9 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ):

Căn cứ kết quả xác minh thông tin nhân khẩu của Công an phường T ngày 27/12/2023: Hộ bà Võ Thị Thanh B có 02 nhân khẩu cư trú là bà Võ Thị Thanh B (ngày sinh 11/9/1968) và con là Lưu Võ Minh Q (ngày sinh 28/7/2005). Theo đó, UBND thành phố B đã phê duyệt khoản hỗ trợ tiền thuê nhà cho gia đình bà tại Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 theo mức: 02 nhân khẩu * 1.200.000 đồng/khẩu * 6 tháng = 14.400.000 đồng là đúng theo quy định hiện hành.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm:

Hộ bà Võ Thị Thanh B bị thu hồi đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ 43, phường T, diện tích 475,5m² (trong đó đất ở đô thị 324m², đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 151,5m²). Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở từ trước ngày 15/10/1993, được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 915416 ngày 09/12/2009.

Hiện trạng tài sản gắn liền trên thửa đất thu hồi gồm nhà ở, vật kiến trúc và một số cây trồng: 06 cây đinh lăng, 04 cây bơ ghép, 03 cây bơ thường, 01 cây sầu riêng ghép, 05 cây đu đủ, 02 cây xoài, 02 cây bưởi, 29 chuối, 14m² riêng sả. Căn cứ kết quả xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp của UBND phường T xác định: Hộ bà Võ Thị Thanh B không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập thường xuyên ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích 151,5m² đất nông nghiệp thu hồi. Do đó, hộ bà Võ Thị Thanh B không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm là đúng quy định.

- Về giao đất tái định cư:

Ngày 13/12/2023, Trung tâm P đã phối hợp cùng Phòng T7, Chính quyền địa phương phường T, 04 hộ dân có đất bị thu hồi đủ điều kiện giao đất (trong đó có hộ bà Võ Thị Thanh B) để lựa chọn, xác định vị trí giao đất tái định cư. Tại buổi làm việc, các đơn vị đã hướng dẫn, giới thiệu đầy đủ các vị trí quỹ đất tái định cư, giải thích quyền lợi và nghĩa vụ của các hộ gia đình khi Nhà nước giao đất. Trên cơ sở đó, hộ bà Võ Thị Thanh B đã thống nhất và lựa chọn 02 thửa đất ký hiệu LK02-24, LK02-25 tại khu tái định cư thuộc Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất phường T. Đến thời điểm hiện nay, gia đình bà đã nhận Quyết định giao đất, hoàn thành việc kê khai nghĩa vụ tài chính để đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên.

- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Trên cơ sở đơn giá bồi thường về đất, giá bồi thường về nhà, vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã lập, tổ chức công khai lấy ý kiến nhân dân về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ vào ngày 01/8/2023; đồng thời phối hợp cùng UBND phường, UBNDTTQ Việt Nam phường T tổ chức họp đối thoại, trả lời kiến nghị của người dân vào ngày 14/9/2023. Hội đồng thẩm định phương án thành phố B đã họp xem xét thẩm định vào các ngày 28/9/2023, 28/11/2023, 28/12/2023. Liên ngành Tài nguyên Môi trường - Tài chính Kế hoạch thành phố đã có Tờ trình số 678/TTr-LN ngày 28/12/2023 trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lưu Văn S1, bà Võ Thị Thanh B là: 2.375.827.648 đồng (Số thứ tự 09, trang 37, Bảng tính chi tiết đính kèm Quyết định số 7503), thu hồi đất tại Quyết định số 7535/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, đồng thời gia đình bà Võ Thị Thanh B được Nhà nước giao 02 thửa đất tái định cư tại Quyết định số 7524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, số tiền sử dụng đất phải nộp là 3.431.315.200 đồng.

Ngày 01/4/2024, hộ bà Võ Thị Thanh B đã bàn giao diện tích đất thu hồi cho Nhà nước để thực hiện dự án, đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ vào ngày 18/6/2024. Đến nay đã hoàn thành việc kê khai, nộp tiền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tái định cư theo Quyết định số 7524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố B đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Võ Thị Thanh B.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 06/2025/HC-ST ngày 20/02/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 143; Điều 144; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

*[1] Bác đơn khởi kiện của bà **Võ Thị Thanh B** về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành phố B đối với hộ ông **Lưu Văn S1**, bà **Võ Thị Thanh B**.*

[2]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy Thông báo số 852/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

[3] Về án phí:

*- Bà **Võ Thị Thanh B** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014114 ngày 15/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà B đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.*

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Ngày 06/3/2025, bà **Võ Thị Thanh B** có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.*

*Tại phiên tòa phúc thẩm, bà **Võ Thị Thanh B** giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện theo uỷ quyền của bà **Võ Thị Thanh B** trình bày quan điểm cho rằng UBND thành phố xác định không đúng mốc lộ giới bằng hai vị trí đối với 2 con đường theo quy định nên xác định không đúng giá đất ở bồi thường; thực tế hộ gia đình đang sinh sống và có hộ khẩu tại đây là 6 người nhưng chỉ xác định 2 người nên hỗ trợ không đầy đủ; thu hồi đất nông nghiệp nhưng không hỗ trợ ổn định đời sống và đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã được thực hiện đúng quy định; về việc giải quyết vụ án, sau khi phân tích đánh giá Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà **Võ Thị Thanh B**, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với các tài liệu mới do người khởi kiện xuất trình về việc thời điểm thu hồi nhà đất, vợ chồng anh **Nguyễn Xuân T3**, chị **Lưu Võ Thùy T2** và 2 con đang sinh sống tại đây và có hộ khẩu, tuy nhiên anh **T3** và chị **T2** không có khiếu nại, không có đơn khởi kiện hay đề nghị gì nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng. Anh **T3** và chị **T2** có quyền khởi kiện hoặc khiếu nại theo quy định.*

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra

chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Ngày 09/8/2024, bà **Võ Thanh B** nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ phần liên quan đến hộ gia đình bà tại Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của **UBND thành phố B** về việc *phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: hạ tầng kỹ thuật khu đất tại phường T, thành phố B*. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của bà đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, Điều 204 Luật đất đai 2013.

Người khởi kiện cũng có yêu cầu Toà án huỷ Thông báo số 852/TB-UBND ngày 23/7/2024 của **Ủy ban nhân dân thành phố B** về việc *không thụ lý giải quyết khiếu nại*, quá trình giải quyết vụ án bà **B** đã rút yêu cầu này nên Toà án cấp sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng Hành chính, đình chỉ xét xử yêu cầu này là đúng.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của **UBND thành phố B** được ban hành đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Về phía người khởi kiện cũng không có ý kiến, khiếu nại gì.

[2.2] Xem xét khiếu kiện của bà **Võ Thị Thanh B** về nội dung:

[2.2.1] Thửa đất của vợ chồng bà **Võ Thị Thanh B** bị thu hồi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 475,5m² (trong đó đất ở đô thị 324m², đất nông nghiệp trồng cây lâu năm 151,5m²). Kết quả đo đạc thực tế diện tích 483,4m², trong đó có 7,9m² lấn chiếm nên chỉ đủ điều kiện bồi thường 324m².

Về vị trí áp giá đất bồi thường: Điều 5 Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của **UBND tỉnh Đ** quy định: “Cách xác định giá đất ở tại nông thôn và đô thị: 1. Giá đất xác định theo vị trí tiếp giáp và được điều chỉnh theo chiều sâu của thửa đất, cụ thể như sau:

a) Tại khu vực đô thị: Phần diện tích tiếp giáp với đường phố, đường trục chính, đường hẻm trong phạm vi tính từ lộ giới vào sâu đến 20 mét, mức giá đất tính bằng 100% mức giá đất quy định tại bảng giá đất ở tại khu vực đô thị ban hành kèm theo Quyết định này; lớn hơn mét thứ 20 đến mét thứ 50 tính bằng 70%, lớn hơn mét thứ 50 trở đi cho đến hết chiều sâu của thửa đất tính bằng 50%.

Căn cứ quy định trên và đối chiếu vị trí thửa đất của bà **B**, **UBND thành phố B** áp giá đất ở để xác định tiền bồi thường về đất cho hộ gia đình theo Quyết định

số 4285/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Đ là đúng.

Bà B cho rằng thửa đất của bà B có vị trí 02 mặt tiền (giáp với đường) nên mốc lộ giới cần được xác định bằng hai vị trí đối với 02 con đường để tính giá trị với phần diện tích đất ở được bồi thường là không có cơ sở.

[2.2.2] Đất thu hồi gồm 324m² đất ở; 151,5m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại thời điểm thu hồi trên đất chỉ có một số cây trồng gồm: 06 cây đinh lăng, 04 cây bơ ghép, 03 cây bơ thường, 01 cây sầu riêng ghép, 05 cây đu đủ, 02 cây xoài, 02 cây bưởi, 29 chuối, 14m² riêng sả.

Tại Biên bản xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp giữa đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk với UBND phường T và Tổ dân phố 5 ngày 27/12/2023, nhân khẩu trong gia đình (bà Võ Thị Thanh B và con trai) đều không trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập thường xuyên ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Do đó, U xác định hộ bà Võ Thị Thanh B không thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm nên không phê duyệt hỗ trợ cho hộ gia đình khoản tiền này, là đúng quy định.

[2.2.3] Về hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian tạo lập chỗ ở mới:

Thời điểm thu hồi, theo Biên bản ngày 27/12/2023 Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk với UBND phường T là xác định chỉ có bà Võ Thị Thanh B (ngày sinh 11/9/1968) và con là Lưu Võ Minh Q (ngày sinh 28/7/2005). Tại văn bản của Công an phường T ngày 27/12/2023 gửi Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk cung cấp thông tin nhân khẩu 10 hộ gia đình trong đó gia đình bà B chỉ có bà và anh Q - đều đúng với hộ khẩu của bà B. Do vậy, UBND thành phố B chỉ phê duyệt khoản hỗ trợ tiền thuê nhà cho bà B và anh Q với số tiền 14.400.000 đồng (02 nhân khẩu x 1.200.000/1 nhân khẩu x 06 tháng) là phù hợp.

[2.3] Bà Võ Thị Thanh B đã được UBND thành phố B phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 7503/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lưu Văn S1, bà Võ Thị Thanh B với tổng số tiền là: 2.375.827.648 đồng và được Nhà nước giao 02 thửa đất tái định cư tại Quyết định số 7524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, số tiền sử dụng đất phải nộp là 3.431.315.200 đồng.

Bà Võ Thị Thanh B đã bàn giao diện tích đất thu hồi cho Nhà nước để thực hiện dự án, đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ vào ngày 18/6/2024 và đã hoàn thành việc kê khai, nộp tiền sử dụng đất, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tái định cư theo Quyết định số 7524/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố B.

Do vậy, các Quyết định hành chính đã phê duyệt đối với hộ bà Võ Thị Thanh B bảo đảm đúng quy định và đã thi hành xong, nên không có cơ sở để hủy các Quyết định này.

[3] Bà B kháng cáo và xuất trình tài liệu là giấy tờ hộ tịch của chị T2 và chồng là anh Nguyễn Xuân T3 và 2 con, Xác nhận thông tin về cư trú số 000045/XN ngày 14/3/2025 của Công an phường T và đơn trình bày của anh T3, chị T2 (có xác nhận của Ban tự quản tổ dân phố E, phường T, thành phố B) về việc anh T3, chị T2 có hộ khẩu và ở cùng mẹ là bà Võ Thị Thanh B.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng anh T3, chị T2 tuy cùng cư trú nhưng đã tách hộ khẩu, đều đủ năng lực hành vi nhưng không có đơn trình bày hay đề nghị giải quyết quyền lợi của mình trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đơn khởi kiện của bà B; đến thời điểm xét xử cũng chỉ có đơn trình bày đề nghị xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh B. Do vậy, cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét và do vậy, kiến nghị UBND có thẩm quyền xem xét giải quyết bổ sung quyền lợi đối với hộ gia đình anh Nguyễn Xuân T3, chị Lưu Võ Thùy T2 theo đúng quy định của pháp luật trong trường hợp có đơn yêu cầu.

[3] Với các phân tích trên, hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Thanh B và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Võ Thị Thanh B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số Hành chính sơ thẩm số 06/2025/HC-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Võ Thị Thanh B phải chịu 300.000 đồng, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000062 ngày 24/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu
lực pháp luật kể từ ngày
tuyên án. *Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- UBND tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân Hương